TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH B**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:96/2022/HS - PT.
Ngày: 06/7/2022.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Trần Thị Hà.
Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Bảo.
Bà Hoàng Thị Hải Hường.

***Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà**:* Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh B.

Đại diện VKSND tỉnh B tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 06/7/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh B mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 77/2022/TLPT-HS ngày 21/3/2022 đối với bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn H, Nguyễn Quốc H, Nguyễn Văn Q do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 06/2022/HS-ST ngày 14/02/2022 của Tòa án nhân dân Hện Yên Dũng, tỉnh B.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1998 tại Hện PB, tỉnh TN. Tên gọi khác: Không. Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Xóm Hòa Bình 1, xã Thanh Ninh, Hện PB, tỉnh TN; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 9/12; đảng, đoàn thể: Không; con ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1972; con bà Vũ Thị L, sinh năm 1972; vợ: Nguyễn Thị P, sinh năm 1998, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/02/2021 đến ngày 01/4/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn "Bảo lĩnh". Hiện tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1998 tại Hện PB, tỉnh TN. Tên gọi khác: Không. Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Xóm Đồng Trong, xã Thanh Ninh, Hện PB, tỉnh TN; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 9/12; đảng, đoàn thể: Không; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1969; con bà Nguyễn Thị Hiếu, sinh năm 1969; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/02/2021 đến ngày 01/4/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn "Bảo lĩnh". Hiện tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa).

3. Họ và tên: **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1999 tại Hện PB, tỉnh TN. Tên gọi khác: Không. Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Xóm Đồng Trong, xã Thanh Ninh, Hện PB, tỉnh TN; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Nghề nghiệp:

Tự do; trình độ văn hóa: 12/12; đảng, đoàn thể: Không; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1977; con bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1980; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/02/2021 đến ngày 01/4/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn "Bảo lĩnh". Hiện tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa).

4. Họ và tên: **Nguyễn Quốc H**, sinh ngày 25 tháng 6 năm 2003 tại Hện PB, tỉnh TN. Tên gọi khác: Không. Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Xóm Hòa Bình 1, xã Thanh Ninh, Hện PB, tỉnh TN; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 9/12; đảng, đoàn thể: Không; con ông Nguyễn Văn Toán, sinh năm 1975; con bà Nguyễn Thị Uyên, sinh năm 1977; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa).

Người giám hộ cho Nguyễn Quốc H: Ông Nguyễn Văn Toán, sinh năm 1975; địa chỉ: Xóm Hòa Bình 1, xã Thanh Ninh, Hện PB, tỉnh TN- là Bố đẻ (Có mặt).

5. Họ và tên: **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 2000 tại Hện PB, tỉnh TN. Tên gọi khác: Không. Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Xóm Đồng Trong, xã Thanh Ninh, Hện PB, tỉnh TN; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 9/12; đảng, đoàn thể: Không; con ông Nguyễn Văn T (đã chết); con bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1977; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa).

(Trong vụ án còn có người bị hại là anh Nguyễn Đình K; những người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Duy K, anh Hà Văn K nhưng không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, không bị kháng nghị nên Hội đồng xét xử không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Các bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Quốc H, Nguyễn Văn N và Nguyễn Văn H có mối quan hệ quen biết nhau vì là người cùng xã. Khoảng tháng 7 năm 2020, Q vào làm công nhân tại Công ty trách nhiệm hữu hạn C, khu công nghiệp VT thuộc địa phận thôn Giá, xã NH, Hện Yên Dũng, tỉnh B. Tại công ty, Q có quen biết Nguyễn Đình K ở thôn Tân Sơn, xã Đoan Bái, Hện Hiệp Hòa, tỉnh B. Trong quá trình làm việc tại công ty, Q và K đã xảy ra mâu thuẫn, nên tối ngày 05/01/2021, khi Q, N và H đang ngồi ăn cơm uống rượu ở nhà Q thì K có gọi điện cho Q để nói cHện, trong cuộc nói cHện đã xảy ra cãi chửi nhau. Sau đó, K và Q có hẹn nhau sáng ngày 06/01/2021 gặp nhau ngoài cổng Công ty C để nói cHện. Sau khi hẹn gặp K xong, Q quay sang nói với N và H về mâu thuẫn giữa Q và K nên rủ N và H sáng ngày 06/01/2021 đi cùng Q đến cổng Công ty C khu công nghiệp VT ở thôn Giá, xã NH, Hện Yên Dũng để giải quyết mâu thuẫn với K thì được N và H đồng ý, sau đó Q gọi điện cho H để rủ H cùng đi nhưng H không nghe máy.

Khoảng 6 giờ sáng ngày 06/01/2021, Q điện thoại rủ H đến nhà Q để cùng đi giải quyết mâu thuẫn với K thì H đồng ý. Sau đó, Q vào chuẩn bị 02 con dao, loại dao phay, mỗi con dài khoảng 50cm, bản lưỡi dao rộng khoảng 07cm cất giấu trong một chiếc túi xách. Còn H đem theo 01 côn nhị khúc (được tự chế bằng 02 khúc gỗ hình trụ tròn, chiều dài của 01 khúc khoảng 25cm, đường kính khoảng 2,5cm được gắn ở 02 đầu đoạn dây dù khoảng 25cm) giấu ở trong người. Tiếp theo, Q bảo H thuê 01 xe ô tô để chở mọi người đi thì H đi thuê được 01 chiếc xe ô tô 07 chỗ của anh Nguyễn Duy K, sinh năm 1991 ở Thôn Ca, xã Kha Sơn, Hện PB, tỉnh TN. Khi xe ô tô đến, Q cùng N, H và H đem theo dao, côn lên xe ô tô đi đến chỗ đã hẹn với K. Trên đường đi, biết bị cáo Nguyễn Văn Q là bạn đang làm ca đêm tại công ty nên Q điện thoại cho Q bảo "có thằng nó hẹn gặp anh ở cổng để nói cHện, nếu không nó không để yên thì mày ra có gì giúp anh" thì được Q đồng ý. Khoảng 07 giờ cùng ngày, xe ô tô chở nhóm của Q đến đoạn đường trước cổng công ty C, Q thấy K và một người thanh niên, đó là anh Hà Văn K, sinh năm 1998 ở Thôn Tân Sơn, xã Đoan Bái, Hện Hiệp Hòa, tỉnh B là bạn của anh Nguyễn Đình K đang đứng chờ trước cổng Công ty nên Q một mình xuống xe đến gặp anh Nguyễn Đình K để nói cHện. Quá trình nói cHện, giữa Q và anh Nguyễn Đình K xảy ra xô xát nên Q dùng tay đấm vào vùng đầu và người anh Nguyễn Đình K. Thấy Q và anh Nguyễn Đình K đánh nhau, H cầm theo côn gỗ, N và H mỗi người cầm theo một con dao đem theo xuống xe chạy đến, H dùng côn gỗ đánh 2-3 cái vào người anh Hà Văn K, thấy bạn bị đánh và nhóm của Q có đông người nên anh Nguyễn Đình K bỏ chạy. H cầm côn, N và H cầm dao đuổi theo anh Nguyễn Đình K, chạy được khoảng hơn 10 m thì bị N và H đuổi kịp. N và H cầm dao chém về phía Nguyễn Đình K 2-3 nhát trúng vào vùng lưng và vai của anh Nguyễn Đình K làm anh Nguyễn Đình K bị thương tích. Khi anh Nguyễn Đình K đang trên đường bỏ chạy thì gặp Nguyễn Văn Q đi xe mô tô ngược chiều đến, thấy nhóm của Q đang đuổi đánh anh Nguyễn Đình K nên Q dựng xe ở bờ đường rồi chạy đến chặn anh Nguyễn Đình K lại rồi dùng chân đá làm anh Nguyễn Đình K bị ngã ra đường, Q tiếp tục dùng chân, tay đấm đá nhiều cái vào người anh Nguyễn Đình K. Cùng lúc này, N và H đuổi đến dùng chân tay đánh Nguyễn Đình K, Nguyễn Đình K vùng dậy trèo qua tường rào của công ty bỏ chạy. Thấy Nguyễn Đình K bỏ chạy vào công ty thì Q, H, N, H không đuổi đánh nữa, quay lại lên xe ô tô đi về, Q không đuổi theo cũng quay lại lấy xe mô tô đi về. Trên đường về, Q và H đã vứt hai con dao và một côn nhị khúc ở bờ đường. Đến ngày 25/02/2021, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn N đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Hện Yên Dũng, tỉnh B đầu thú.

Đối với anh Nguyễn Đình K, sau khi bị nhóm của Q đánh, chém gây thương tích, anh Nguyễn Đình K được mọi người đưa đến Bệnh viện đa K tỉnh B khám và điều trị từ ngày 06/01/2021 đến 15/01/2021 ra viện với thương tích:

"- Vết thương lưng kích thước 10 x 03cm, 05 x 01cm, 04 x 01cm, rách cơ lưng rộng, rách cơ gai, lộ xương sườn diện rộng;

- Vết thương ngón 3, 5 lộ gân duỗi đứt;

- Vết thương ngón 4 lộ gân duỗi đứt, lộ ổ gãy xương đốt ngón I, vết thương ngón IV kích thước 03 x 01cm.

X-quang: Hình ảnh gãy đốt 1 ngón 4 xương bàn tay trái.

CT: Hình ảnh đụng dập- tụ máu trong tổ chức phần mềm thành ngực sau bên phải".

Tại bản kết luận giám định pháp y số: 9839/21/TgT ngày 25/01/2021 của Trung tâm pháp y Bệnh viện đa K tỉnh B kết luận: "Nguyễn Đình K bị tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 12% (Mười hai phần trăm).

Cơ chế hình thành thương tích: Các thương tích do vật sắc gây nên.

Chưa đánh giá vận động ngón IV do còn dụng cụ kết hợp xương".

Ngày 17/5/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Hện Yên Dũng, tỉnh B ra quyết định gửi đến Trung tâm pháp y Bệnh viện đa K tỉnh B để giám định bổ sung về khả năng vận động tại ngón IV bàn tay trái của anh Nguyễn Đình K. Tuy nhiên, anh Nguyễn Đình K có đơn và từ chối giám đi định, nên không có căn cứ để giải quyết.

Ngày 12/8/2021 và ngày 04/11/2021, Cơ quan điều tra tiến hành cho Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn N, Nguyễn Quốc H, Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn Q thực nghiệm lại hành vi các bị cáo đã gây thương tích cho bị hại theo lời khai của các bị cáo và bị hại. Kết quả, Q, N, H, H và Q đã mô tả, diễn lại thuần thục các động tác phù hợp với lời khai nhận tội của các bị cáo và tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Sau khi thực hiện hành vi gây thương tích cho anh Nguyễn Đình K thì Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn N, Nguyễn Quốc H, Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn Q đã cùng Nguyễn Đình K thỏa thuận bồi thường số tiền 240.000.000 đồng (gồm các khoản tiền thuốc điều trị, bồi dưỡng, tổn thất tinh thần…). Anh Nguyễn Đình K đã nhận đủ, không yêu cầu gì khác và có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự đối với Q, N, H, H và Q.

Đối với thương tích của anh Hà Văn K bị Nguyễn Quốc H dùng côn đánh vào người, do thương tích nhỏ, anh K không đi đến cơ sở y tế nào điều trị và không có yêu cầu đề nghị gì nên Cơ quan điều tra không đề cập giải quyết.

Trong vụ án này, đối với anh Nguyễn Duy K đã có hành vi sử dụng xe ô tô biển kiểm soát 20A-386.24 chở các bị cáo đi thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, anh K chỉ biết Nguyễn Quốc H thuê chở đi có việc, không biết các đối tượng đi thực hiện hành vi phạm tội, anh cũng không được thỏa thuận, bàn bạc gì về việc chở nhóm của Q đi đánh gây thương tích cho người khác. Mặt khác, khi đỗ xe, các đối tượng xuống xe thì anh lái xe ô tô quay đầu không biết và không nhìn thấy các đối tượng đánh nhau. Ngoài lời khai không có chứng cứ khác, nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với 02 con dao và 01 côn nhị khúc là tang vật vụ án, các bị cáo đều khai vứt ở bờ đường trên đường đi về. Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn N, Nguyễn Quốc H, Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn Q thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 07/CT-VKSYD ngày 12/01/2022 Viện kiểm sát nhân dân Hện Yên Dũng đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn N, Nguyễn Quốc H, Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn Q về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134- Bộ luật hình sự.

Với những nội dung nêu trên Bản án hình sự sơ thẩm số: 06/2022/HS-ST ngày 14/02/2022 của Tòa án nhân dân Hện Yên Dũng, tỉnh B đã quyết định:

1. Căn cứ: Điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn Q.

Điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn Q.

Điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Quốc H.

Điều 135, Điều 136, Điều 331, Điều 332 và Điều 333 BLTTHS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Văn Q 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích", thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/02/2021 đến ngày 01/4/2021.

- Bị cáo Nguyễn Văn N 02 (hai) năm 01 (một) tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích", thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/02/2021 đến ngày 01/4/2021.

- Bị cáo Nguyễn Văn H 02 (hai) năm 01 (một) tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích", thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/02/2021 đến ngày 01/4/2021.

- Bị cáo Nguyễn Văn H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích", thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Bị cáo Nguyễn Văn Q 02 (hai) năm tù về tội "Cố ý gây thương tích", thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và Q kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24/02/2022 bị cáo Nguyễn Văn Q kháng cáo. Nội dung kháng cáo: Án sơ thẩm xét xử bị cáo 02 năm 02 tháng tù là nặng và đề nghị xét xử lại cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

Ngày 25/02/2022 bị cáo Nguyễn Văn N kháng cáo. Nội dung kháng cáo: Án sơ thẩm xét xử bị cáo 02 năm 01 tháng tù là nặng và đề nghị xét xử lại cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

Ngày 21/02/2022 bị cáo Nguyễn Văn Q, ngày 23/02/2022 bị cáo Nguyễn Quốc H và bị cáo Nguyễn Văn H kháng cáo. Nội dung kháng cáo: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử lại, cho các bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên toà phúc thẩm các bị cáo trình bày: Về tội danh các bị cáo không có ý kiến gì, án sơ thẩm xét xử bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan sai. Về hình phạt, mức án xử như vậy là nặng.

Bị cáo Q trình bày: Bị cáo thấy bản án sơ thẩm xét xử bị cáo 02 năm 02 tháng tù là quá nặng, đề nghị xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất vì bị cáo lấy vợ đã 05 năm chưa có con. Mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo giảm hình phạt, để bị cáo sớm trở về sinh con.

Bị cáo N trình bày: Bị cáo thấy bản án sơ thẩm xét xử bị cáo 02 năm 01 tháng tù quá nặng so với hành vi phạm tội của bị cáo. Đề nghị xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất vì bị cáo là lao động chính trong gia đình.

Bị cáo Nguyễn Văn H trình bày: Bị cáo bị xét xử 25 tháng tù giam là quá nặng. Bị cáo có ông nội là ông Nguyễn Lương Bạn là thương binh, được tặng thẳng H hiệu 50 năm tuổi Đảng, bị cáo có thời gian phục vụ trong Q ngũ, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Văn Q trình bày: Bị cáo thấy bản án sơ thẩm xét xử bị cáo 02 năm tù là nặng so với hành vi phạm tội của bị cáo. Đề nghị hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo vì bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Bị cáo Nguyễn Quốc H và người giám hộ cho bị cáo thông nhất trình bày: Bị cáo thấy bản án sơ thẩm xét xử bị cáo 18 tháng tù là quá nặng. Bị cáo xác định vị trí vai trò của bị cáo là thứ yếu. Do thời điểm xảy ra sự việc bị cáo còn ít tuổi, nhận thức pháp luật còn hạn chế, không nhận thức rõ được H quả nên khi bị rủ rê thì bị cáo cũng đi theo. Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, mẹ bị cáo bị tâm thần nên đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo để ở nhà giúp đỡ gia đình.

Đại diện VKSND tỉnh B thực hành Q công tố tại phiên toà, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, đưa ra đề nghị xem xét các vấn đề kháng cáo mà các bị cáo nêu ra đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, điểm b khoản 1 Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của các bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn H, Nguyễn Quốc H và Nguyễn Văn Q giữ N quyết định của bản án sơ thẩm về mức hình phạt đối với các bị cáo.

Các bị cáo Q, H, Q, H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Miễn án phí hình sự phúc thẩm cho bị cáo N.

Các bị cáo không tranh luận gì.

Bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn H, Nguyễn Quốc H, Nguyễn Văn Q nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các Nguyễn Văn

Q, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn H, Nguyễn Quốc H, Nguyễn Văn Q đã được làm trong thời hạn kháng cáo theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp. HĐXX chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của các bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn H, Nguyễn Quốc H, Nguyễn Văn Q thì thấy: các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại; người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà cơ quan điều tra đã thu thập được thể hiện trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm và diễn biến của quá trình các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Hồi 07 giờ ngày 06/01/2021, tại đoạn đường khu vực trước cổng công ty trách nhiệm hữu hạn C Việt Nam thuộc khu công nghiệp VT tại thôn Giá, xã NH, Hện Yên Dũng, tỉnh B. Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn N, Nguyễn Quốc H, Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn Q có hành vi dùng 02 con dao, loại dao phay, mỗi con dao dài khoảng 50 cm, bản lưỡi dao rộng khoảng 07 cm; 01 con nhị khúc (được tự chế bằng 02 khúc gỗ hình trụ tròn, chiều dài của 01 khúc khoảng 25cm, đường kính khoảng 2,5cm được gắn ở 02 đầu đoạn dây dù khoảng 25cm) đuổi đánh, chém và dùng chân tay đấm đá anh Nguyễn Đình K, sinh năm 1998 ở thôn Tân Sơn, xã Đoan Bái, Hện Hiệp Hòa, tỉnh B. H quả: Làm anh Nguyễn Đình K bị thương tích: Vết thương lưng kích thước 10 x 03cm, 05 x 01cm, 04 x 01cm, rách cơ lưng rộng, rách cơ gai, lộ xương sườn diện rộng; Vết thương ngón 3, 5 lộ gân duỗi đứt; Vết thương ngón 4 lộ gân duỗi đứt, lộ ổ gãy xương đốt ngón I, vết thương ngón IV kích thước 03 x 01cm. X-quang: Hình ảnh gãy đốt 1 ngón 4 xương bàn tay trái. CT: Hình ảnh đụng dập- tụ máu trong tổ chức phần mềm thành ngực sau bên phải". Kết quả giám định pháp y: Anh Nguyễn Đình K bị tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 12% (mười hai phần trăm). Như vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội " Cố ý gây thương tích" quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự (thuộc trường hợp dùng hung khí nguy hiểm và có tính chất côn đồ quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự) là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

Quá trình điều tra, truy tố đã chứng minh được tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo là người có đầy đủ năng lực nhận thức, năng lực điều khiển hành vi và tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Về tình tiết định khung tăng nặng "dùng hung khí nguy hiểm" của các bị cáo thể hiện ở hành vi các bị cáo đã dùng dao, dùng nhị khúc để đuổi đánh và chém bị hại. Các bị cáo phải nhận thức được mức độ nguy hiểm khi dùng dao và nhị khúc đánh bị hại. Về tình tiết định khung tăng nặng "có tính côn đồ" của các bị cáo thể hiện ở sự hung hãn tấn công bị hại quyết liệt đến cùng. Tính côn đồ còn thể hiện ở việc tương quan lực lượng có sự chênh lệch lớn về số lượng (bên các bị cáo có 5 người trong khi bên các bị hại chỉ có 2 người) và thể lực (bên các bị cáo đều là người trưởng thành trong khi các bị hại có một người dưới 18 tuổi).

Do đó, bản án hình sự sơ thẩm số 06/2022/HS-ST ngày 14/02/2022 của Tòa án nhân dân Hện Yên Dũng, tỉnh B xét xử các bị cáo với tội danh trên là đúng người, đúng tội, không oan sai.

[3]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của của các bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn H, Nguyễn Quốc H, Nguyễn Văn Q, HĐXX thấy:

[3.1]. Xét tính chất, mức độ Hành vi phạm tội của các bị cáo: Vụ án này có 5 bị cáo phạm tội, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của công dân được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và cùng thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, bị cáo Q có mâu thuẫn nhỏ với bị hại, các bị cáo N, H, Q, H không có mâu thuẫn gì với bị hại nhưng đã dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho bị hại. Cần phải xử lý các bị cáo bằng pháp luật hình sự nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong xã hội.

[3.2]. Các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội, nhưng không có sự bàn bạc thống nhất, phân công nhiệm vụ cụ thể với nhau từ trước. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định vụ án có tính đồng phạm thuộc trường hợp giản đơn. Tuy nhiên, mức độ nguy hiểm đối với hành vi phạm tội của mỗi bị cáo có sự khác nhau. Trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Văn Q có vai trò cao hơn bởi lẽ bị cáo đã trực tiếp chuẩn bị hung khí, chuẩn bị phương tiện và rủ rê các bị cáo khác cùng tham gia gây thương tích cho bị hại, bản thân bị cáo cũng trực tiếp đánh bị hại. Vai trò tiếp theo trong vụ án là các bị cáo Nguyễn Văn N và Nguyễn Văn H vì N và H đã trực tiếp sử dụng hung khí nguy hiểm đuổi theo và gây thương tích cho bị hại. Vai trò tiếp theo trong vụ án là bị cáo Nguyễn Quốc H và Nguyễn Văn Q, bởi bị bị cáo Nguyễn Quốc H đã dùng côn nhị khúc đánh vào người anh Hà Văn K và đuổi theo đánh vào người anh Nguyễn Đình K; bị cáo Q không dùng khung khí nhưng khi thấy các bị cáo đang đuổi đánh anh K thì bị cáo Q đã đuổi theo anh K và dùng chân, tay đấm đá nhiều cái vào người anh Nguyễn Đình K.

[3.3]. Xét nhân thân, các tình tiết tặng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo thấy:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Q đã rủ rê bị cáo H cùng thực hiện hành vi phạm tội khi H chưa đủ 18 tuổi nên Q phải chịu tình tiết tăng nặng tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi sự việc xảy ra các bị cáo đã cùng thỏa thuận và bồi thường cho bị hại số tiền 240.000.000 đồng, anh K đã nhận đủ số tiền 240.000.000 đồng, không yêu cầu bồi thường thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khi sự việc bị phát hiện, tất cả các bị cáo đã ra đầu thú; bị cáo H đã có thời gian phục vụ trong Q đội. Do vậy, cần áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn N, Nguyễn Quốc H, Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn Q khi quyết định hình phạt.

Trong vụ án này, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mang tính chất đồng phạm giản đơn nên cần áp dụng Điều 17, Điều 58 khi quyết định hình phạt.

Tuy nhiên, khi xem xét và đánh giá hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Quốc H, HĐXX cũng cần áp dụng các Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo vì bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi.

Án sơ thẩm đã căn cứ tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, xét xử bị cáo Q 02 năm 02 tháng tù, bị cáo N 02 năm 01 tháng tù, bị cáo H 02 năm 01 tháng tù, bị cáo H 01 năm 06 tháng tù và bị cáo Q 02 năm tù là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và không nặng.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo H cung cấp tài liệu là bệnh án tâm thần của mẹ bị cáo, xác nhận của bị chính Q địa phương đề nghị giảm nhẹ cho bị cáo và bị cáo Q nộp đơn đề nghị có xác nhận của địa phương về việc bị cáo chấp hành tốt chính sách pháp luật của nhà nước.

Bị cáo Q, N, H không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào mới ở cấp phúc thẩm, không có tình tiết giảm nhẹ. Các bị cáo H, Q xin hưởng án treo nhưng các bị cáo phạm tội có tính côn đồ, đối chiếu với các quy định tại Nghị quyết số 02/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao các bị cáo không đủ điều kiện được hưởng án treo và không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho cho các bị cáo. Do đó, kháng cáo của các bị cáo không có căn cứ để xem xét chấp nhận.

[4]. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 355; điểm b khoản 1 Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn H, Nguyễn Quốc H và Nguyễn Văn Q, giữ N quyết định của bản án sơ thẩm đối với các bị cáo.

[5]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn N, bị cáo thuộc hộ cận nghèo nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miền án phí hình sự phúc thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; điểm b khoản 1 Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn văn Q, Nguyễn Văn N; Không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Quốc H và Nguyễn Văn Q giữ N quyết định của bản án sơ thẩm đối với các bị cáo. Xử:

2. Về Điều luật áp dụng và mức hình phạt:

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn Q.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Q 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích", thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/02/2021 đến ngày 01/4/2021.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn Q. Xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Văn N 02 (hai) năm 01 (một) tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích", thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/02/2021 đến ngày 01/4/2021.

Bị cáo Nguyễn Văn H 02 (hai) năm 01 (một) tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích", thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/02/2021 đến ngày 01/4/2021.

Bị cáo Nguyễn Văn Q 02 (hai) năm tù về tội "Cố ý gây thương tích", thời hạn tù tính từ ngày bắt để thi hành án.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Quốc H.

- Bị cáo Nguyễn Quốc H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích", thời hạn tù tính từ ngày bắt để thi hành án.

3**.** Án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 12, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn H, Nguyễn Quốc H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Miễn án phí hình sự phúc thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn N.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q thoả thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9- Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30- Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh B;
- Sở tư pháp tỉnh B;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Cục THADS tỉnh B;
- CA-VKS-TA-CCTHADS sơ thẩm;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hoàng Thị Hải Hường Đặng Văn Bảo

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hà